

PHỤ LỤC SỐ 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện Thanh Miện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư		Nguồn vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Nhu cầu vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung
		Số QĐ; ngày, tháng,năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Bao gồm:		
							Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4=2-3	5=6+7	6	7	8
	TỔNG NGUỒN VỐN (A+B)		531,557	95,098	436,459	123,026	19,326	103,700	106,441
A	VỐN BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CỦA HUYỆN		379,668	75,598	304,070	93,026	19,326	73,700	106,441
I	CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH, ĐO ĐẠC, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, LẬP CSDL HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI CỦA CẤP HUYỆN		588	-	588	12,420	-	12,420	
1	Dự án lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	QĐ số 3398/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	588		588	588		588	
2	Các dự án Quy hoạch, đo đạc, lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai khác				-	11,832		11,832	
II	CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ TƯ XÂY DỰNG		379,080	75,598	303,482	80,606	19,326	61,280	106,441
1	Các dự án, công trình chuyển tiếp năm 2023 sang năm 2024		159,788	75,598	84,190	40,080	7,000	33,080	47,500
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 195, đoạn từ Km0+000 - Km4+300, huyện Thanh Miện	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2022	62,900	29,998	32,902	17,500	2,500	15,000	10,000
1.2	Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 392B đoạn Km0+000-Km1+700 (từ ngã ba Trương đến cầu vào Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện)	NQ số 06/NQ-HĐND ngày 08/5/2023	31,125	16,500	14,625	13,500	4,500	9,000	15,500
1.3	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư mới thôn An Sơn, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện (phục vụ tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam)	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 03/11/2023	7,701	2,000	5,701	4,580		4,580	
1.4	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng. Hạng mục: Nhà tưởng niệm, Nghi môn và các hạng mục phụ trợ	3080/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	7,933	5,100	2,833	2,800		2,800	
1.5	CT: Chống sạt lở và gia cố bờ tả sông Hồng Quang, huyện Thanh Miện (đoạn từ K5+800 - K9+750)	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	50,130	22,000	28,130	1,700		1,700	22,000
2	Các dự án, công trình khởi công mới năm 2024		219,292	-	219,292	40,526	12,326	28,200	58,941

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư		Nguồn vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Nhu cầu vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung
		Số QĐ; ngày, tháng,năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Bao gồm:		
							Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4=2-3	5=6+7	6	7	8
2.1	CT: Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 03/11/2023	7,555		7,555	1,000	1,000		5,666
2.2	CT: Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 03/11/2023	7,555		7,555	1,000	1,000		5,666
2.3	CT: Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 03/11/2023	8,183		8,183	1,000	1,000		6,137
2.4	CT: Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Tân Trào, huyện Thanh Miện	NQ số 29/NQ-HĐND ngày 03/11/2023	8,442		8,442	1,000	1,000		6,331
2.5	CT: Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 03/11/2023	9,128		9,128	1,600	1,000	600	6,332
2.6	Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện		9,665		9,665	1,000		1,000	6,332
2.7	Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện		12,115		12,115	2,326	326	2,000	6,332
2.8	Cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đường Chu Văn An, thị trấn Thanh Miện (đoạn từ Km0+00 đến Km0+550)		11,400		11,400	2,000	2,000		
2.9	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Đoàn Kết và Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Hồng Quang, huyện Thanh Miện		20,698		20,698	5,000	1,000	4,000	8,415
2.10	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non Hồng Quang, huyện Thanh Miện		10,554		10,554	3,000	1,000	2,000	2,530
2.11	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Cao Thắng, huyện Thanh Miện		8,442		8,442	1,500	1,000	500	5,200
2.12	Đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Tân Trào, huyện Thanh Miện		7,627		7,627	3,000	1,000	2,000	
2.13	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc 3 tầng và một số hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc Huyện ủy Thanh Miện		2,700		2,700	2,000	1,000	1,000	
2.14	Cải tạo, nâng cấp cầu qua sông Hồng Quang vào cụm dân cư số 3 thôn Liên Đông, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện		2,704		2,704	1,000		1,000	
2.15	Cải tạo, nâng cấp cầu chợ Đàng qua sông cầu Cốc vào khu dân cư thôn Văn Xá, xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện		2,158		2,158	1,000		1,000	
2.5	Các hạng mục công trình trong Khu vực phòng thủ huyện Thanh Miện giai đoạn 2021-2025 (ký hiệu công trình quân sự TMA1-HU)		9,220		9,220	3,000		3,000	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư		Nguồn vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Nhu cầu vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung
		Số QĐ; ngày, tháng,năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Bao gồm:		
							Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4=2-3	5=6+7	6	7	8
2.16	Dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 393 đoạn Km10+180 – Km14 (từ công Ba Đa đến KDC mới xã Hồng Quang)		81,146		81,146	10,100		10,100	
B	HỖ TRỢ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỦA HUYỆN		151,889	19,500	132,389	30,000	-	30,000	
I	CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HTKT ĐIỂM DÂN CƯ MỚI HUYỆN GIAO CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ		135,889	19,500	116,389	14,000	-	14,000	
1	Công trình do huyện phê duyệt dự án		109,253	15,000	94,253	9,000	-	9,000	
1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tập trung Thờ Nợ, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện	NQ số 18/NQ-HĐND; QĐ số 2385 ngày 27/8/2021; QĐ số 1321 ngày 24/5/2022	43,524	15,000	28,524	5,000		5,000	Triển khai 02 hạng mục, tổng mức đầu tư 28,385 tỷ đồng (HM: Tường kê, san nền 13,508 tỷ đồng; HM: GT, thoát nước, điện 14,877 tỷ đồng).
2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới Triệu Thái, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	NQ số 09/NQ-HĐND ngày 22/7/2022	65,728		65,728	4,000		4,000	
2	Công trình do cấp xã phê duyệt dự án		26,637	4,500	22,137	5,000	-	5,000	
2.1	UBND xã Lê Hồng: Công trình Xây dựng điểm dân cư mới, vị trí số 01 thôn Chi Trung, thôn Phú Thanh Xá, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện		10,657	3,000	7,657	3,000		3,000	
2.2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và điểm dân cư mới thôn Phương Khê, xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện		4,045	1,500	2,545	1,000		1,000	
2.3	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và điểm dân cư mới thôn Thủ Pháp, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện		11,935		11,935	1,000		1,000	
II	HỖ TRỢ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHÁC		16,000	-	16,000	16,000	-	16,000	
1	Hỗ trợ xây dựng Cơ sở làm việc Công an huyện		5,000	-	5,000	5,000	-	5,000	
1.1	Hỗ trợ dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật)		5,000		5,000	5,000		5,000	
2	Hỗ trợ các xã, thị trấn		11,000	-	11,000	11,000	-	11,000	
2.1	Hỗ trợ xây mới, sửa chữa Nhà văn hóa thôn/KDC		1,000		1,000			1,000	
2.2	hỗ trợ cho đầu tư xây dựng đường giao thông thôn, khu dân cư		10,000		10,000			10,000	